

BÀI THUYẾT TRÌNH VỀ TÀI CHÍNH BẢO HIỂM XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nhóm thực hiện: Kinh tế & quản lí môi trường

Trần Thị Hà

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hương

Vũ Quang Huy

Nguyễn Xuân Hoàng

Trần Thị Loan

Kiều Thị Trang

1) Tổng quan về tài chính bảo hiểm xã hội:

Tài chính bảo hiểm xã hội là một khâu tài chính trong hệ thống tài chính quốc gia tham gia vào quá trình huy động, phân phối và sử dụng các nguồn tài chính nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống của người lao động khi gặp rủi ro hoặc sự kiện bảo hiểm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tài chính bảo hiểm xã hội thuộc tụ điểm vốn có tên gọi là thị trường tài chính và các tổ chức trung gian, cụ thể là thuộc các tổ chức tài chính trung gian phi ngân hàng.

2) Nguồn tài chính bảo hiểm xã hội:

Tài chính bảo hiểm xã hội có hạt nhân là quỹ bảo hiểm xã hội. Quỹ này được hình thành từ hai nguồn:

Nguồn bắt buộc(nguồn đóng góp của các đối tượng thuộc diện bắt buộc tham gia BHXH theo quy định)

Nguồn tự nguyện(nguồn đóng góp của các đối tượng tự nguyện).

Về hình thức, hai nguồn này tuy khác nhau ở phạm vi, đối tượng và mức độ đóng góp, song nội dung kinh tế- xã hội lại tương đối đồng nhất với nhau, cụ thể là:

- Có mục đích là hình thành quỹ bảo hiểm xã hội để chi trả cho các chế độ BHXH. Mỗi quan hệ trong quá trình này góp phần tạo nên một tụ điểm vốn trung gian tài chính, độc lập với ngân sách nhà nước.
- Các nội dung về thu nộp và chi trả cho các chế độ BHXH đều do Nhà nước quy định. Quỹ bảo hiểm được quản lí độc lập theo nguyên tắc có thu mới có chi; thu trước, chi sau, phần thiếu hụt được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Vì vậy quỹ BHXH vừa mang tính nội dung kinh tế vừa mang tính xã hội đậm nét.

Phần quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc được hình thành từ các nguồn sau đây:

a)Người sử dụng lao động và người lao động đóng góp:

Trách nhiệm tham gia đóng góp BHXH cho người lao động được phân chia cho cả người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở quan hệ

lao động. Đây không phải là sự phân chia rủi ro mà thực chất là lợi ích giữa hai bên. Về phía người sử dụng lao động, sự đóng góp một phần BHXH cho người lao động sẽ tránh được thiệt hại kinh tế do phải chi ra một khoản tiền lớn khi có rủi ro xảy ra đối với người lao động mà mình thuê mướn. Đồng thời còn góp phần giảm bớt tình trạng tranh chấp và kiến tạo được mối quan hệ tốt đẹp giữa chủ và thợ. Về phía người lao động, sự đóng góp một phần để BHXH cho mình vừa biểu hiện sự tự gánh chịu rủi ro của chính mình, vừa có ý nghĩa ràng buộc nghĩa vụ và quyền lợi một cách chặt chẽ.

Mối quan hệ chủ thợ trong BHXH thực chất là mối quan hệ lợi ích. Vì thế, cũng như nhiều lĩnh vực khác trong quan hệ lao động, BHXH không thể thiếu được sự tham gia đóng góp của nhà nước. Trước hết, các quy định của nhà nước về BHXH là những chuẩn mực pháp lí mà cả người lao động và người sử dụng lao động đều phải tuân theo, là cơ sở vững chắc để giải quyết những tranh chấp chủ- thợ trong lĩnh vực BHXH. Ngoài ra, bằng nhiều hình thức, biện pháp và mức độ can thiệp khác nhau, Nhà nước không chỉ tham gia đóng góp và hỗ trợ thêm cho quỹ BHXH mà còn trở thành chỗ dựa để đảm bảo cho hoạt động BHXH chắc chắn và ổn định.

Liên hệ thực tế ở Việt Nam:

Điều 91. Mức đóng và phương thức đóng của người lao động

1. Hằng tháng, người lao động quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 2 của Luật này đóng bằng 5% mức tiền lương, tiền công vào quỹ hưu trí và tử tuất; từ năm 2010 trở đi, cứ hai năm một lần đóng thêm 1% cho đến khi đạt mức đóng là 8%.

2. Người lao động hưởng tiền lương, tiền công theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thì mức đóng bảo hiểm xã hội hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này; phương thức đóng được thực hiện hằng tháng, hằng quý hoặc sáu tháng một lần.

3. Mức đóng và phương thức đóng của người lao động quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật này do Chính phủ quy định.

Điều 92. Mức đóng và phương thức đóng của người sử dụng lao động

1. Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng trên quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của người lao động quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:

a) 3% vào quỹ ốm đau và thai sản; trong đó người sử dụng lao động giữ lại 2% để trả kịp thời cho người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ quy định tại Mục 1 và Mục 2 Chương III của Luật này và thực hiện quyết toán hằng quý với tổ chức bảo hiểm xã hội;

b) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

c) 11% vào quỹ hưu trí và tử tuất; từ năm 2010 trở đi, cứ hai năm một lần đóng thêm 1% cho đến khi đạt mức đóng là 14%.

2. Hằng tháng, người sử dụng lao động đóng trên mức lương tối thiểu chung đối với mỗi người lao động quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:

a) 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

b) 16% vào quỹ hưu trí và tử tuất; từ năm 2010 trở đi, cứ hai năm một lần đóng thêm 2% cho đến khi đạt mức đóng là 22%.

3. Người sử dụng lao động thuộc các doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh thì mức đóng hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này; phương thức đóng được thực hiện hằng tháng, hằng quý hoặc sáu tháng một lần.

b) Nhà nước đóng góp với tư cách là người sử dụng lao động và hỗ trợ thêm:

Tùy thuộc vào tình hình kinh tế của đất nước và tình trạng tài chính của quỹ BHXH thông qua một số hình thức chính như sau:

- Chuyển một khoản tiền nhất định vào quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm thành lập quỹ.
- Hằng năm chuyển một khoản tiền ấn định hoặc tương ứng so với tỷ lệ phần trăm NSNN vào quỹ.
- Chuyển một khoản nhất định vào quỹ xảy ra sự kiện đột xuất theo đề nghị của hệ thống BHXH.
- Đảm nhận chi trả một hoặc một số khoản nào đó mà lẽ ra hệ thống BHXH chịu trách nhiệm chi trả.
- Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện làm việc.

- Miễn thuế cho các hoạt động đầu tư nhằm bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH....

Liên hệ thực tiễn Việt Nam:

Các văn bản cho thấy nhà nước ta đã sớm có nhận thức và sớm thực hiện BHXH theo hình thức hiện đại so với nhiều nước trên thế giới và khu vực, sớm chứng tỏ là một nhà nước tiên tiến của giai cấp công nhân và người lao động.

Tuy nhiên, phải đến năm 1961, chế độ BHXH đối với công nhân, viên chức nhà nước mới thực sự thực hiện trên cơ sở thành lập Quỹ BHXH thống nhất toàn quốc (riêng thời kỳ 61-75: toàn miền Bắc) sau khi Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về các chế độ BHXH kèm theo Nghị định số 218/CP ngày 27/11/1961 với 6 loại trợ cấp (ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mất sức lao động, hưu trí và tử tuất). Quỹ BHXH, lúc này, là quỹ độc lập thuộc ngân sách nhà nước (NSNN) nhưng nguồn thu chủ yếu từ sự tài trợ của NSNN, tiếp đến là sự đóng góp từ các cơ quan và xí nghiệp quốc doanh theo % trên tổng quỹ lương (từ 1962 đến 1987: 4,7%, từ 1987 đến 1993: 15%) còn công nhân và viên chức không cần đóng phí BHXH. Việc quản lý BHXH được giao cho Bộ lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng công đoàn Việt Nam (nay là Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam) đảm trách. Đối với khu vực ngoài quốc doanh, Điều lệ BHXH đối với xã viên hợp tác xã các tổ hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng được ban hành (Quyết định 292/BCH-LĐ ngày 15/2/82 của LHX trung ương) nhưng chỉ được thực hiện trong thời gian ngắn ngủi, từ năm 1982 đến năm 1989.

Kể từ sau Đại hội VII của Đảng công cuộc đổi mới đất nước đi vào chiều sâu, trong đó việc đổi mới BHXH để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội mới là một yêu cầu bức bách nhằm thực hiện các chính sách xã hội. Việc đổi mới được đánh dấu bằng việc tách với một bộ phận cấu thành của BHXH - chế độ chăm sóc y tế khi ốm đau cho người lao động thành một quỹ độc lập: Bảo hiểm y tế (Nghị định 299/HĐBT) ngày 15-8-1992 ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế) với việc qui định không chỉ người sử dụng lao động mà cả người lao động cũng phải tham gia đóng phí. Tiếp theo đó, ngày 22 tháng 6 năm 1993, Chính phủ lại ban hành Nghị định 43/CP qui định tạm thời chế độ BHXH mở đầu cho cuộc cải cách sâu rộng, toàn diện BHXH chăm vào mục đích xóa sự bao cấp của NSNN đối với BHXH, mở rộng diện bắt buộc không chỉ đối với công nhân, viên chức nhà nước như trước đây mà đối với tất cả người lao động hưởng lương, qui định lại nguồn thu chi, cơ cấu nguồn thu dùng cho mỗi loại chế độ...

Việc cải cách thực sự đi vào thực tiễn khi hàng loạt các văn bản pháp qui được ban hành từ năm 1995:

- Nghị định 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ BHXH;
- Nghị định số 19/CP ngày 16/02/1995 của Chính phủ về việc thành lập BHXH Việt Nam;
- Quyết định số 606/ Ttg ngày 26/09/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BHXH Việt Nam;
- Nghị định số 93/1998/NĐ – CP ngày 12/11/1998 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ BHXH (ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ). Như đã nêu trên, việc áp dụng BHXH trên của quốc gia khác nhau thường cùng rất khác nhau về nội dung thực hiện tùy thuộc vào nhu cầu bức bách của riêng từng nơi trong việc đảm bảo cuộc sống của người lao động, ngoài ra, còn tùy thuộc vào khả năng tài chính và khả năng quản lí có thể đáp ứng. Có nước quan tâm thực hiện các chế độ đảm bảo cho các rủi ro dễ xảy ra trước mắt như chế độ trợ cấp ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, các nước khác lại quan tâm đến các chế độ đảm bảo cho tuổi già, tuổi hưu trí, cho cái chết. Tuy nhiên, xu hướng chung là theo đà phát triển kinh tế-xã hội, phù hợp với đặc điểm của từng nơi, bảo hiểm sẽ mở rộng dần về số lượng và nội dung thực hiện của từng chế độ. Hiện nay nội dung thực hiện BHXH ở Việt Nam theo qui định tại chương XII Bộ LUẬT lao động (được Quốc hội thông qua ngày 23/06/1994) bao gồm 5 chế độ sau: Chế độ ốm đau; Chế độ trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chế độ trợ cấp thai sản; Chế độ hưu trí; Chế độ tiền tử. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng chế độ chăm sóc y tế (khám và chữa bệnh) theo Điều lệ bảo hiểm y tế. Và đặc biệt là kể từ ngày 21/03/2001, người lao động tham gia BHXH còn được hưởng chế độ trợ cấp nghỉ dưỡng sức (Quyết định số 37/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Như vậy, hiện nay căn cứ vào những gì đang diễn ra ở Việt Nam thì BHXH là một chế định pháp lý nhằm bảo vệ người lao động bằng cách thông qua việc tập trung nguồn tài chính được huy động từ người lao động, người sử dụng lao động, cộng với sự hỗ trợ của nhà nước, thực hiện việc trợ cấp vật chất, góp phần ổn định đời sống cho người tham gia BHXH và gia đình họ trong các trường hợp người lao động tham gia BHXH bị ốm đau, thai sản,

tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động theo luật định hoặc chết làm họ hoặc gia đình mất hoặc giảm thu nhập bất ngờ.

Ở nước ta, mặc dù đến những năm gần đây, nội dung các chế độ và phương thức quản lý thực hiện mới được đổi mới theo xu thế hiện đại, phù hợp với nền kinh tế thị trường đang được xây dựng, nhưng nếu tính từ 1945 đến nay, chúng ta đã áp dụng hầu hết các chế độ trợ cấp đã nêu ở trên chứng tỏ nội dung cơ bản của BHXH đã được nhận thức và được áp dụng ở Việt Nam.

Theo quy định tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 và Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, các cơ quan đơn vị doanh nghiệp thuộc diện đóng bắt buộc phải đóng BHXH bằng 15% tổng quỹ lương của những người tham gia BHXH. Từ quý IV/1995 đến năm 2000, tổng số tiền đóng BHXH là 14.765.691 triệu đồng, số liệu cụ thể các năm như sau:

- Quý IV/1995 : 296.250 triệu đồng.
- Năm 1996 : 1.927.300 triệu đồng.
- Năm 1997 : 2.584.208 triệu đồng.
- Năm 1998 : 2.906.967 triệu đồng.
- Năm 1999 : 3.139.541 triệu đồng.
- Năm 2000 : 3.911.425 triệu đồng.

Trong thời gian từ tháng 10/1995 đến hết tháng 12/2000, tổng số tiền hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cho quỹ BHXH để chi trả cho các đối tượng nghỉ chế độ BHXH có thời gian tham gia BHXH từ năm 1995 trở về trước là 26.966.679 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Quý IV/1995 : 1.112.030 triệu đồng.
- Năm 1996 : 4.387.903 triệu đồng.
- Năm 1997 : 5.163.093 triệu đồng.
- Năm 1998 : 5.128.425 triệu đồng.
- Năm 1999 : 5.025.620 triệu đồng.
- Năm 2000 : 6.159.608 triệu đồng.

c) Các nguồn khác:

- Các nguồn tài trợ, viện trợ từ cộng đồng quốc tế và các tổ chức ở trong nước, kể cả các tổ chức phi chính phủ và các nhà hảo tâm. Tuy nhiên, nguồn này thường chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong tổng quỹ BHXH. Tại Việt Nam, do BHXH chưa phát triển và điều kiện kinh tế- xã hội còn nhiều hạn chế nên nguồn đóng góp này vào quỹ BHXH là rất ít ỏi và không ổn định.
- Tiền lãi do thực hiện các hoạt động đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội, như: gửi ngân hàng, mua trái phiếu, cổ phiếu, cho thuê tài sản...
- Giá trị tài sản cố định của cơ quan BHXH được đánh giá lại theo quy định của Chính phủ.
- Các nguồn khác cũng đóng góp vào quỹ BHXH, như: tiền phạt các cơ quan, đơn vị khi chậm nộp BHXH so với thời gian quy định, tiền trưng thu khi các đơn vị sử dụng lao động và người lao động đóng thiếu tiền BHXH hay nhận một mức hưởng BHXH thừa so với mức quy định...

Nguồn hình thành quỹ BHXH được khái quát như sau:

$$QTBH = ĐLĐ + ĐSDLĐ + ĐNN + TK$$

Trong đó: QTBH - Tổng thu quỹ BHXH

ĐLĐ - Đóng góp của người lao động

ĐSDLĐ - Đóng góp của người sử dụng lao động

ĐNN - Đóng góp và hỗ trợ của Nhà nước

TK - Thu khác

Phần quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện được hình thành do bên tham gia BHXH đóng góp là chủ yếu. Do người tham gia không nằm trong nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo các nội dung và mức độ khác nhau tùy theo nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Ví dụ: họ chỉ tham gia chế độ hưu trí và mức đóng góp vào quỹ BHXH cũng chỉ tương ứng với nghĩa vụ của chế độ này. Phần tiền tạm thời nhàn rỗi của quỹ tất yếu sẽ được bổ sung phần lãi đầu tư. Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ có hay không, nhiều hay ít phụ thuộc vào quy định của Nhà nước đối với hoạt động BHXH tự nguyện...

Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam:

*) Đối tượng:

Là công dân Việt Nam, không thuộc diện áp dụng của pháp luật về BHXH bắt buộc, bao gồm:

- Người từ đủ 15 tuổi đến đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 đối với nữ.

- Người đã đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ, đã có 15 năm đóng BHXH trở lên có nhu cầu đóng BHXH tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm đóng BHXH để hưởng chế độ hưu trí và tuất.

*) Mức đóng:

Mức đóng BHXH hàng tháng của người tham gia BHXH tự nguyện bằng tỷ lệ phần trăm đóng BHXH tự nguyện (X) với mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng BHXH của người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn.

Tỷ lệ đóng BHXH:

- Từ tháng 01/2008 – 12/2009 = 16%

- Từ tháng 01/2010 – 12/2011 = 18%

- Từ tháng 01/2012 – 12/2013 = 20%

- Từ tháng 01/2014 trở đi = 22%

Mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng BHXH của người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn (gọi tắt là Mức thu nhập tháng): thấp nhất bằng lương tối thiểu chung, cao nhất bằng 20 lần lương tối thiểu chung.

Mức thu nhập tháng = $L_{min} + m \times 50.000$ (đồng/tháng)

- L_{min} : là mức lương tối thiểu chung.

- m : là số nguyên lớn hơn hoặc bằng 0 (do người tham gia lựa chọn).

*) Phương thức đóng:

- Phương thức đóng: lựa chọn hàng tháng hoặc hàng quý hoặc 6 tháng một lần.

Thời điểm phải đóng:

- 15 ngày đầu tháng đối với phương thức đóng hàng tháng.

- 45 ngày đầu quý đối với phương thức đóng hàng quý.

- 03 tháng đầu đối với phương thức đóng 6 tháng một lần.

Trường hợp đã đóng theo phương thức đóng hàng quý hoặc 6 tháng một lần, mà trong thời gian đó chính phủ điều chỉnh mức lương tối thiểu chung thì không phải truy đóng số tiền chênh lệch so với mức lương tối thiểu mới.

3) Mục đích của tài chính bảo hiểm xã hội:

Mục đích của tài chính bảo hiểm xã hội nói chung:

- +Chi trợ cấp cho các chế độ bảo hiểm BHXH (lớn nhất và quan trọng nhất)
- +Chi cho sự nghiệp quản lí BHXH
- +Chi đầu tư tăng trưởng quỹ BHXH;
- +Chi dự phòng;
- +Chi khác.

Chúng ta sẽ cùng đi phân tích 1 cách rõ ràng đối với Việt Nam.

- Đối với BHXH bắt buộc (Quỹ ốm đau và thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất)

_Chi trả các chế độ BHXH bắt buộc cho người lao động theo quy định. (ví dụ với lao động nữ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định sau đây:

- a) Bốn tháng, nếu làm nghề hoặc công việc trong điều kiện lao động bình thường;
- b) Năm tháng, nếu làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành; làm việc theo chế độ ba ca; làm việc thường xuyên ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên hoặc là nữ quân nhân, nữ công an nhân dân;
- c) Sáu tháng đối với lao động nữ là người tàn tật theo quy định của pháp luật về người tàn tật;
- d) Trường hợp sinh đôi trở lên, ngoài thời gian nghỉ việc quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con được nghỉ thêm ba mươi ngày.

Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi

Lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới bốn tháng tuổi thì được trợ cấp một lần bằng hai tháng lương tối thiểu chung cho mỗi con.)

_Đóng bảo hiểm y tế cho người đang hưởng lương hưu hoặc nghỉ việc

hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng.

_Chi quản lý nhà nước.

_Chi khen thưởng theo quy định.

_Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội.

- Đối với BHXH tự nguyện:

_Trả các chế độ BHXH tự nguyện cho người lao động theo quy định.

_Đóng bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đang hưởng lương hưu.

_Chi phí quản lý.

_Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ BHXH.

- Đối với bảo hiểm thất nghiệp:

_Trả trợ cấp thất nghiệp.

_Hỗ trợ học nghề.

_Hỗ trợ tìm việc làm

_Đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng trợ cấp thất nghiệp.

_Chi phí quản lý.

_Đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng quỹ bằng các hình thức

+Mua trái phiếu, tín phiếu, công trái của nhà nước, của ngân hàng thương mại của Nhà nước.

+Cho ngân hàng thương mại của nhà nước vay.

+Đầu tư vào các công trình kinh tế trọng điểm quốc gia.

+Các hình thức đầu tư khác do Nhà nước quy định.

cuu duong than cong. com